

THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ 02 - NĂM HỌC 2017 - 2018
(Từ ngày 19/12/2017 đến ngày 15/5/2018)

Địa điểm: Khoa Kinh tế 193 Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội

ST T	TÊN MÔN HỌC	LỚP	Điều kiện tiên quyết	SĨ SỐ	Số TC	SỐ GIỜ KH		SỐ BUỔI	Phòng học	Buổi học	Ngày học	Thời gian học	DỰ KIẾN THI	HỌ TÊN GIẢNG VIÊN	Học vị	Sĩ số thực học
						LT	TH					NGÀY				
1	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	K23 KT	Kế toán TC1,2,3	110	3	40	5x2	10	406	Chiều	Thứ 2,4	26,28/12/2017 3,5,8,10,12,15,16,18/1/2018	8h-9h30 2/2/2018	Đào Thúy Hà	TS	110
2	Đề án môn học	K23 KT	Không	110	2	5	25x2	1	406	Chiều	Thứ 5	25/1/2018	8h00 5/4/2018	Nguyễn Thanh Trang	TS	110
3	Thực tập tốt nghiệp	K23 KT	Không	110	5	5	70x2	1	302	Sáng	Thứ 3	8h00 9/1/2018	8h00 9/5/2018	Nguyễn Thị Thu Thủy	Th/s	110
4	Quản trị kinh doanh quốc tế	K23 QT	Không	100	3	40	5x2	10	406	Sáng	Thứ 3,5	19,21,26,28/12/2017 3,5,10,12,15,16/1/2018	8h-9h30 2/2/2018	Nguyễn Anh Minh	TS	100
5	Đề án quản trị kinh doanh	K23 QT	Không	100	2	5	25x2	1	406	Sáng	Thứ 5	25/1/2018	8h00 5/4/2018	Nguyễn Thị Thu Hương	TS	100
6	Thực tập tốt nghiệp	K23 QT	Không	100	5	5	70x2	1	406	Sáng	Thứ 3	8h00 9/1/2018	8h00 9/5/2018	Lê Thị Hằng	TS	100

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Hải

TS Nguyễn Tiến Hùng

THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ 02 - NĂM HỌC 2017 - 2018
(Từ ngày 19/12/2017 đến ngày 29/4/2018)

Địa điểm: Khoa Kinh tế 193 Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội

STT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	Điều kiện tiên quyết	SĨ SỐ	SỐ TC	SỐ GIỜ KH		SỐ BUỔI	Phòng học	Buổi học	Ngày học		Lịch thi	HỌ TÊN GIẢNG VIÊN	HỌC VỊ	Số thực học
						LT	TH					NGÀY				
1	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán phần 2	K24 KT1.1	Anh CN1	50	3	40	5x2	10	304	Sáng	Thứ 2,4	18,20,25,27/12/2017 3,8,10,15,17/2018 22/1/2018	8h00 1/2/2018 (Thi 4 kỹ năng)	Nguyễn Nam Chi	Th/s	50
2		K24 KT1.2		50	3	40	5x2	10	403	Sáng				Phạm Mai Lan	Th/s	50
3		K24 KT2.1		42	3	40	5x2	10	304	Chiều				Nguyễn Nam Chi	Th/s	42
4		K24 KT2.2		42	3	40	5x2	10	402	Chiều				Phạm Mai Lan	Th/s	42
5	Tổ chức công tác kế toán	K24 KT1	NLKT	100	3	40	5x2	10	304	Sáng	Thứ 3,5	19,21,26,28/12/2017 2,4,9,11,16,18/1/2018	8h-10h30 5/2/2018	Nguyễn Thị Lan Anh	Th/s	100
6		K24 KT2		84	3	40	5x2	10	304	Chiều				Nguyễn Thị Lan Anh	Th/s	84
	Phân tích hoạt động kinh doanh	K24 KT1	Vĩ mô, LTTCTT	100	3	40	5x2	10	304	Sáng	Thứ 2,5	26/2/2018 1,5,8,12,15/3/2018 19,22,26,29/3/2018	8h-9h30 16/4/2018	Tăng Thị Hằng	TS	100
		K24 KT2		84	3	40	5x2	10	304	Chiều				Tăng Thị Hằng	TS	84
7	Kế toán tài chính phần 2	K24 KT1	KT TC P1	100	4	55	5x2	13	304	Sáng	Thứ 6 (2,4)	5,12,19,26/1/2018 2,9,16,23,30/3/2018 6,9,11,13/4/2018	8h-9h30 18/4/2018	Nguyễn Thị Thu Thủy	Th/s	100
8		K24 KT2		84	4	55	5x2	13	304	Chiều				Nguyễn Thị Thu Thủy	Th/s	84
11	Kế toán hành chính sự nghiệp	K24 KT1	LTTCTT	100	3	40	5x2	10	304	Sáng	Thứ 3,4	27,28/2/2018 6,7,13,14,20/3/2018 21,27,28/3/2018	8h-9h30 24/4/2018	Trương Thị Hồng Phương	Th/s	100
12		K24 KT2		84	3	40	5x2	10	304	Chiều				Trương Thị Hồng Phương	Th/s	84
13	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị phần 2	K24 QT1.1	Anh CN1	30	3	40	5x2	10	303	Sáng	Thứ 2,4	18,20,25,27/12/2017 3,8,10,15,17/2018 22/1/2018	8h00 1/2/2018 (Thi 4 kỹ năng)	Hoàng Thu Huyền v	Th/s	30
14		K24 QT1.2		30	3	40	5x2	10	403	Sáng				Nguyễn Thị Kim Ngân	Th/s	30
15		K24 QT2.1		33	3	40	5x2	10	303	Chiều				Hoàng Thu Huyền	Th/s	33
16		K24 QT2.2		33	3	40	5x2	10	402	Chiều				Nguyễn Thị Kim Ngân	Th/s	33
17	Quản trị kinh doanh	K24 QT1	Vĩ mô, KTPT	60	3	40	5x2	10	303	Chiều	Thứ 3,5	19,21,26,28/12/2017 2,4,9,11,16,18/1/2018	8h-9h30 5/2/2018	Nguyễn Thị Thu Hường	TS	60
18		K24 QT2		66	3	40	5x2	10	303	Sáng				Nguyễn Thị Thu Hường	TS	66
19	Quản trị chiến lược	K24 QT1	LTTCTT	60	3	40	5x2	10	303	Sáng	Thứ 6 (2,3,4)	22/12/2017 5,12,19/01/2018 23,24,26,29,30,31/1/2018	8h-9h30 07/2/2018	Phạm Thanh Hương	TS	60
20		K24 QT2		66	3	40	5x2	10	303	Chiều				Phạm Thanh Hương	TS	66

STT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	Điều kiện tiên quyết	Sĩ Số	Số TC	Số giờ KH		Số Buổi	Phòng học	Buổi học	Ngày học		Lịch thi	Họ tên Giảng viên	Học vị	Số thực học
						LT	TH					Ngày				
21	Phân tích hoạt động kinh doanh	K24 QT1	QT học	60	3	40	5x2	10	303	Chiều	Thứ 3,5	27/2/2018	8h-9h30 16/4/2018	Nguyễn Thị Lan Anh	Th/s	60
22		K24 QT2		66	3	40	5x2	10	303	Sáng		1,6,8,13,15,20/3/2018 22,27,29/3/2018		Nguyễn Thị Lan Anh	Th/s	66
23	Quản trị chất lượng sản phẩm	K24 QT1	QT học	60	3	40	5x2	10	303	Chiều	Thứ 4,6	26,28/2/2018	8h-9h30 18/4/2018	Nguyễn Thị Hường □	GVC	60
24		K24 QT2		66	3	40	5x2	10	303	Sáng		5,7,12,14/3/2018 19,21,26,28/3/2018		Nguyễn Thị Hường □	GVC	66
25	Quản trị rủi ro	K24 QT1	QT học	60	2	25	5x2	7	303	Chiều	Thứ 6 (2)	2,9,16,23,30/3/2018	8h-9h30 24/4/2017	Nguyễn Thị Anh Trâm	Th/s	60
26		K24 QT2		66	2	25	5x2	7	303	Sáng		2,6/4/2018		Nguyễn Thị Anh Trâm	Th/s	66

Ghi chú: Buổi thực hành, thảo luận được thực hiện với quy mô lớp <50SV

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Hải

Hà Nội, ngày 8 tháng 12 năm 2017

TRƯỞNG KHOA

TS Nguyễn Tiến Hùng

THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ 02 - NĂM HỌC 2017 - 2018

(Từ ngày 18/12/2017 đến ngày 29/4/2018)

Địa điểm: Khoa Kinh tế 193 Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội

STT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	Điều kiện tiên quyết	Sĩ số	Số TC	Số giờ KH		Số buổi	Phòng học	Buổi học	Ngày học	Thời gian học	Lịch thi	Họ tên giảng viên	Học vị	Số thực học
						LT	TH					Ngày				
1	Nguyên lý kế toán	K25 QT1	GT, ĐS	87	3	40	5x2	10	305	Chiều	Thứ 3,5	19,21,26,28/12/2017 2,4,9,11/1/2018 16,18/1/2018	10h-11h30 2/2/2018	Trương Thị Hồng Phương	TS	87
2		K25 QT2		80	3	40	5x2	10	405	Sáng				Trương Thị Hồng Phương	TS	80
3	Quản lý nhà nước về kinh tế	K25 QT1	GT, ĐS	87	2	25	5x2	7	305	Chiều	Thứ 2,4	18,20,25,27/12/2017 3,8,10/1/2018	10h-11h30 5/2/2018	Phan Bá Thịnh	Th/s	87
4		K25 QT2		80	2	25	5x2	7	405	Sáng				Phan Bá Thịnh	Th/s	80
5	Kinh tế phát triển	K25 QT1	GT, ĐS	87	2	25	5x2	7	305	Chiều	Thứ 6 (2,4)	22,29/12/2017 5,12,19,22,24/1/2018	10h-11h30 7/2/2018	Nguyễn Tiến Dũng	PGS TS	87
6		K25 QT2		80	2	25	5x2	7	405	Sáng				Nguyễn Tiến Dũng	PGS TS	80
7	Quản trị học	K25 QT1	Vi mô	87	3	40	5x2	10	305	Chiều	Thứ 2,5	26/2/2018 1,5,8,12,15/3/2018 19,22,26,29/3/2018	10h-11h30 24/4/2018	Lê Thị Hằng	TS	87
8		K25 QT2		80	3	40	5x2	10	405	Sáng				Lê Thị Hằng	TS	80
9	Kinh tế vĩ mô	K25 QT1	GT, ĐS	80	3	40	5x2	10	405	Chiều	Thứ 4 (2,6)	7,14,21,28/3/2018 2,4,6,9,11,13/4/2018	10h-11h30 18/4/2018	Nguyễn Thị Vân Anh	Th/s	80
10		K25 QT2		81	3	40	5x2	10	305	Sáng				Nguyễn Thị Vân Anh	Th/s	81
11	Tiếng Anh cơ bản 3	K25 QT1 nhóm 1	TA 2	40	3	40	5x2	10	305	Chiều	Thứ 3,6	27/2/2018 2,6,9,13,16/3/2018 20,23,27,30/3/2018	20/4/2018 (Thi 4 kỹ năng)	Phạm Mai Lan	Th/s	40
12		K25 QT 1 nhóm 2		40	3	40	5x2	10	403	Chiều				Từ Thị Thu Mai	Th/s	40
13		K25 QT2 nhóm 1		41	3	40	5x2	10	405	Sáng				Vũ Mai Quế	Th/s	41
14		K25 QT2 nhóm 2		40	3	40	5x2	10	402	Sáng				Hoàng Thu Huyền	Th/s	40
15	Nguyên lý kế toán	K25 KT 1	GT, ĐS	80	3	40	5x2	10	405	Chiều	Thứ 2,4	25,27/12/2017 3,8,10/2018 15,17,22,24,29/1/2018	10h-11h30 2/2/2018	Nguyễn Thanh Trang v	TS	80
16		K25 KT 2		81	3	40	5x2	10	305	Sáng				Nguyễn Thanh Trang v	TS	81

STT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	Điều kiện tiên quyết	SĨ SỐ	SỐ TC	SỐ GIỜ KH		SỐ BUỔI	PHÒNG HỌC	BUỔI HỌC	NGÀY HỌC	THỜI GIAN HỌC	Lịch thi	HỌ TÊN GIẢNG VIÊN	Học vị	Số thực học
						LT	TH					Ngày				
17	Quản trị kinh doanh	K25 KT 1	Vi mô	80	3	40	5x2	10	405	Chiều	Thứ 3,5	19,21,26,28/12/2017 2,4,9,11/1/2018 16,18/1/2018	10h-11h30 5/2/2018	Bùi Thị Hồng Việt Dương Thùy Linh	Th/s	80
18		K25 KT 2		81	3	40	5x2	10	305	Sáng				Bùi Thị Hồng Việt Dương Thùy Linh	Th/s	81
19	Thuế	K25 KT 1	LTTT TT	80	2	25	5x2	7	405	Chiều	Thứ 6 (3,5)	22/12/2017 5,12,19/01/2018 25,26,30/1/2018	10h-11h30 07/2/2018	Phan Phương Thảo	Th/s	80
20		K25 KT 2		81	2	25	5x2	7	305	Sáng				Phan Phương Thảo	Th/s	81
21	Kinh tế vĩ mô	K25 KT 1	Vi mô	80	3	40	5x2	10	305	Chiều	Thứ 2,5	26/2/2018 5,8,12,15/3/2018 19,22,26/3/2018 2,5/4/2018	10h-11h30 18/4/2018	Nguyễn Thị Thu Hường	TS	80
22		K25 KT 2		81	3	40	5x2	10	405	Sáng				Nguyễn Thị Thu Hường	TS	81
23	Tài chính doanh nghiệp	K25 KT 1	LTTT TT	80	3	40	5x2	10	305	Chiều	Thứ 4 (2,5,6)	28/2/2018 7,14,21,28/3/2018 4,9,11,12,13/4/2018	10h-11h30 24/4/2018	Lê Thị Hằng v	TS	80
24		K25 KT 2		81	3	40	5x2	10	405	Sáng				Lê Thị Hằng v	TS	81
25	Tiếng Anh cơ bản 3	K25 KT 1 nhóm 1	TA 2	40	3	40	5x2	10	305	Chiều	Thứ 3,6	27/2/2018 2,6,9,13,16/3/2018 20,23,27,30/3/2018	20/4/2018 (Thi 4 kỹ năng)	Phạm Mai Lan	Th/s	40
26		K25 KT 1 Nhóm 2		40	3	40	5x2	10	403	Chiều				Từ Thị Thu Mai	Th/s	40
27		K25 KT2 nhóm 1		40	3	40	5x2	10	405	Sáng				Vũ Mai Quế	Th/s	41
28		K25 KT 2 nhóm 2		41	3	40	5x2	10	402	Sáng				Hoàng Thu Huyền	Th/s	40

Ghi chú : Buổi thực hành, thảo luận được thực hiện với quy mô lớp <50SV

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2017

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Hải

TS Nguyễn Tiến Hùng

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	Điều kiện tiên quyết	Số số	Số TC	Số giờ KH		Số buổi	Phòng học	Buổi học	Ngày học	Thời gian học	Dự kiến thi	Họ và tên giảng viên	Học vị	Số thực học
						LT	TH					Ngày				
1	Lý thuyết tài chính tiền tệ	K26 QT	Không	85	3	40	5x2	10	404	Sáng	Thứ 2,4	20,25,27/12/2017 3,8,10,15,17,22/1/2018 24/1/2018	13h-14h30 2/2/2018	Ngô Ánh Nguyệt	Th/s	
2		K26 QK	Không	87	3	40	5x2	10	302	Chiều		Ngô Ánh Nguyệt		Th/s		
3		K26 KT	Không	106	3	40	5x2	10	404	Chiều		Thứ 6 (2,3,4)		22/12/2017 5,11,12,15,18,19,26,29/1/2018	Ngô Ánh Nguyệt v	Th/s
4	Tâm lý kinh doanh	K26 QT	Không	85	2	25	5x2	7	404	Sáng	Thứ 3,5,6	19,21,22,23,26,28/12/2017 30/12/2017	13h-14h30 5/2/2018	Phạm Thị Phương Thức	Th/s	
5		K26 QK	Không	87	2	25	5x2	7	302	Chiều		Phạm Thị Phương Thức		Th/s		
6		K26 KT	Không	106	2	25	5x2	7	404	Chiều		Thứ 3,5		19,21,26,28/12/2017 2,4,9/1/2018	Hồ Viết Lương	PGS TS
7	Pháp luật đại cương	K26 QT	Không	85	2	25	5x2	7	404	Sáng	Thứ 3,5,6	18/12/2017 5,12,16,18/1/2018 19,23/1/2018	13h-14h30 7/2/2018	Trương Công Lý	TS	
8		K26 QK	Không	87	2	25	5x2	7	302	Chiều		Trương Công Lý		TS		
9		K26 KT	Không	106	2	25	5x2	7	404	Chiều		Thứ 2,4		18,20,25,27/12/2017 3,8,10/1/2018	Trương Công Lý	TS
10	Tiếng Anh cơ bản 2	K26QT nhóm 1	TA CB 1	42	3	40	5x2	10	404	Sáng	Thứ 2,4	26,28/2/2018 5,7,12,14,19/2018 21,26,28/3/2018	19/4/2018	Nguyễn Nam Chi	Th/s	
11		K26 QT nhóm 2		43	3	40	5x2	10	402	Sáng		Nguyễn Thị Kim Ngân		Th/s		
12		K26 QK nhóm 1		44	3	40	5x2	10	302	Chiều		Thứ 2,4		26,28/2/2018 5,7,12,14,19/2018 21,26,28/3/2018	Nguyễn Nam Chi	Th/s
13		K26 QK nhóm 2		43	3	40	5x2	10	402	Chiều	Thứ 2,4	26,28/2/2018 5,7,12,14,19/2018 21,26,28/3/2018		Nguyễn Thị Kim Ngân	Th/s	
14		K26 KT nhóm 1		53	3	40	5x2	10	404	Chiều	Thứ 2,4	26,28/2/2018 5,7,12,14,19/2018 21,26,28/3/2018		Từ Thị Thu Mai	Th/s	
15		K26 KT nhóm 2		53	3	40	5x2	10	403	Chiều		Vũ Mai Quế		Th/s		
16	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K26 QT	Không	85	2	25	5x2	7	404	Sáng	Thứ 3,5	27/2/2018 1,6,8,13,15,20/3/2018	7h15 23/4/2018	Lê Tổ Anh	TS	
17		K26 QK	Không	87	2	25	5x2	7	302	Chiều		Lê Tổ Anh		TS		

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	Điều kiện tiên quyết	Số số	Số TC	Số giờ KH		Số buổi	Phòng học	Buổi học	Ngày học	Thời gian học	Dự kiến thi	Họ và tên giảng viên	Học vị	Số thực học
						LT	TH					Ngày				
18		K26 KT	Không	106	2	25	5x2	7	404	Chiều	Thứ 3,5	27/2/2018 1,6,8,13,15,20/3/2018		Đào Thu Huyền	Th/s	
19	Tin học đại cương	K26QT nhóm 1	Không	45	3	15	30x2	15	Phòng học đa năng	Chiều	Thứ 2,4	LT: 18/12/2017; 2/1; 26/2/2018 TH: 22,28/12/2017 3,8,10,12,15,17,22,24/1/2018 27/2/2018 5/3/2018	10/4/2018	Phạm Văn Tuấn	Th/s	
20		K26 QT nhóm 2	Không	45	3		30x2	15	Phòng học đa năng	Chiều	Thứ 3,5,6	LT: 18/12/2017; 2/1; 26/2/2018 TH: 27/12/2017 4,9,11,16,18,23,25,29/1/2018 28/2; 6,7/3/2018		Phạm Văn Tuấn	Th/s	
21		K26 QK nhóm 1	Không	45	3	15	30x2	15	Phòng học đa năng	Sáng	Thứ 2,4	LT: 18/12; 4/1; 6/3/2018 TH: 22/12/2017 5,8,12,17,22,29/1/2018 26/2; 5,7,12,16/3/2018	11/4/2018	Phạm Văn Tuấn	Th/s	
22		K26 QK nhóm 2	Không	45	3		30x2	15	Phòng học đa năng	Sáng	Thứ 2,4,6	LT: 18/12; 4/1; 6/3/2018 TH: 27/12/2017 3,10,15,19,24,26,31/1/2018 28/2; 9,14,19/3/2018		Phạm Văn Tuấn	Th/s	
23		K26 KT nhóm 1	Không	45	3	15	30x2	15	Phòng học đa năng	Sáng	Thứ 3	LT: 19/12; 22/1; 21/3/2018 TH: 21,25/12/2017 2,9,16,23,30/1/2018 6,13,20,22,27/3/2018	12/4/2018	Vũ Thị Việt Thanh	Th/s	
24		K26 KT nhóm 2	Không	45	3		30x2	15	Phòng học đa năng	Sáng	Thứ 5	LT: 19/12; 22/1; 21/3/2018 TH: 25,28/12/2017 4,11,18,25/1/2018 1,8,15,22,28,29/3/2018		Vũ Thị Việt Thanh	Th/s	

Ghi chú: Sáng bắt đầu học từ 7h10; Chiều từ 13h00

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Hải

TS Nguyễn Tiến Hùng